TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 43/2018/HNGĐ-ST Ngày: 26-7-2018 V/v: Tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Khoa Việt và ông Huỳnh Khắc Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/4/2018 về tranh chấp *"Ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/QĐXX-ST ngày 28/6/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: khu phố P3, phường C, thành phố T, Phú Yên.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Thu V, sinh năm: 1974;

HKTT: khu phố P3, phường C, thành phố T, Phú Yên.

Nơi ở hiện nay: 123 N, phường T, T, Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 07/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông (H) và bà Phạm Thị Thu V tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố T, Phú Yên vào năm 1995. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì đến đầu năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà V ham mê cờ bạc, đánh bài thâu đêm suốt sáng, ông đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà V vẫn không từ bỏ. Từ năm 2016 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân. Nay xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là Trần Khả T, sinh ngày 01/01/1997 và Trần Bảo T, sinh ngày 11/7/1998. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn bà Phạm Thị Thu V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà (V) thống nhất như ông H trình bày về thời gian, nơi đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H có người phụ nữ khác bên ngoài. Hiện con chung là cháu Trần Khả T đang học Đại học và bà vẫn phải chu cấp tiền cho con nên bà yêu cầu vợ chồng được đoàn tụ để cùng lo cho con học hết Đại học.

Về con chung: có 02 con như ông H trình bày. Hiện cháu Trần Khả T đang học Đại học và bà vẫn phải chu cấp tiền cho con nên bà yêu cầu ông H phải cùng bà chu cấp tiền cho con ăn học. Riêng cháu Trần Bảo T đã đi làm nên không yêu cầu gì.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

* Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, về con chung: tự nguyện chu cấp tiền ăn học cho cháu Trần Khả T mỗi tháng 3.000.000 đồng từ tháng 8/2018 cho đến khi cháu T học xong Đại học.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, về con chung: ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chu cấp cho cháu Trần Khả T mỗi tháng 3.000.000 đồng từ tháng 8/2018 cho đến khi cháu T học xong Đại học; về tài sản chung: không xem xét; về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị Thu V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Trần Văn H và bị đơn bà Phạm Thị Thu V tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố T, Phú Yên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94, vào ngày 18/12/1995 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì đến đầu năm 2016 phát sinh mâu thuẫn như các đương sự trình bày. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy: Ông H và bà V không còn chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, là vi phạm nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là Trần Khả T, sinh ngày 01/01/1997 và Trần Bảo T, sinh ngày 11/7/1998. Hiện cháu Trần Khả T đang học Đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh và cháu Trần Bảo T đã đi làm. Bà V yêu cầu ông H phải cùng bà chu cấp tiền cho cháu T học hết Đại học, riêng cháu T không yêu cầu gì. Xét thấy: 02 con là Trần Khả T và Trần Bảo T đều đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và có đủ khả năng tham gia lao động phổ thông để có thu nhập nuôi sống bản thân. Do đó, theo quy định tại Điều 82, Điều 110, Điều 118 của Luật Hôn nhân gia đình, cha mẹ không có nghĩa vụ phải nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con trong trường hợp này. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông H tự nguyện chu cấp tiền ăn học cho cháu Trần Khả T mỗi tháng 3.000.000 đồng từ tháng 8/2018 cho đến khi cháu T học xong Đại học nên HĐXX ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 82, 110, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Trần Văn H được ly hôn bà Phạm Thị Thu V.

- Về con chung: Có 02 con chung là Trần Khả T, sinh ngày 01/01/1997 và Trần Bảo T, sinh ngày 11/7/1998. Hiện các con đã trưởng thành nên không giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con sau ly hôn.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn ông Trần Văn H về việc chu cấp tiền ăn học cho cháu Trần Khả T mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), tính từ tháng 8/2018 cho đến khi cháu T học xong Đại học.

- Về tài sản chung: không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn ông Trần Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ chu cấp nuôi con, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0009997 ngày 17/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường 3, Tuy Hòa;
(Giấy CNKH số 94, ngày 18/12/1995)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**